

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Thạch Thế Hiền**

2/ Bà **Chấp Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Phương Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Văn Ng**, sinh năm 1982. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Đinh Thị Ngọc X**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Bùi Thúy H**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị X xây dựng hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được 16 năm, lúc đầu sống hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không được vui vẻ với nhau, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị X.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 28/11/2003 hiện đang sống chung với anh. Anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 23/7/2019, người làm chứng bà Bùi Thúy H trình bày: Vào năm 2002 bà có tổ chức lễ cưới cho anh Ng và chị X nhưng anh Ng và chị X không có đăng ký kết hôn do bận làm ăn. Trong thời gian chung sống giữa anh Ng và chị X thường xuyên cự cãi, chị X bỏ nhà đi nhiều lần, thời gian gần đây là khoảng năm 2017 cho đến nay. Về con chung thì vợ chồng anh Ng và chị X có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 28/11/2003 hiện sống chung với anh Ng, cháu H đang chuẩn bị vào học lớp 10 ở Hòa Bình. Anh Ng vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dạy cháu H phát triển bình thường.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị X. Về con chung xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt (không lý do), người làm chứng vắng mặt (có ý kiến xin vắng mặt).

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn Ng, không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn anh Bùi Văn Ng và bị đơn chị Đinh Thị Ngọc X là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 28/11/2003 cho anh Bùi Văn Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đinh Thị Ngọc X không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Anh Bùi Văn Ng phải nộp 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Bùi Văn Nghiệp yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị Ngọc X cư trú tại ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn chị Đinh Thị Ngọc X được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Bùi Thúy H vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Ng và chị Đinh Thị Ngọc X chung sống như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như lời trình bày của anh Ng là phù hợp với Công văn số 05/UBND ngày 02/8/2018 và Công văn số 03/UBND ngày 25/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long; Công văn số 12/UBND ngày 03/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và Công văn số 904/TP ngày 02/8/2018 của Phòng Tư pháp huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long nên việc kết hôn của anh Ng và chị X không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa anh Ng và chị X là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 28/11/2003 hiện đang sống trực tiếp với anh Ng, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với anh Ng. Anh Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Chị X không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Văn Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn Ng phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn anh Bùi Văn Ng và bị đơn chị Đinh Thị Ngọc X là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 28/11/2003 cho anh Bùi Văn Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đinh Thị Ngọc X không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Anh Bùi Văn Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Văn Ng nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Ng đã nộp theo biên lai thu số 0015421 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh Ng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An